

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 3

Thiên thứ 2: TAM GIỚI

II. CHỮ THIÊN (Tiếp theo)

Thứ sáu: PHẦN THÂN LƯỢNG

Theo luận Tạp Tâm nói: “Bảy cực vi trần thành một A nậu trì thượng trần. Trần ấy nhỏ nhất, chỉ có Thiên nhãn, Bồ tát, Luân vương mới có thể thấy được. Bảy A-nậu trần là một Đồng thượng trần. Bảy Đồng thượng trần là một Thủy thượng trần. bảy thủy thượng trần là một Thổ hào thượng trần. Bảy Thổ hào thượng trần là một Dương mao thượng trần. Bảy Dương mao thượng trần là một Ngưu mao thượng trần. bảy Ngưu mao thượng trần thành một Hưởng du trần. Bảy hưởng du trần thành một con muỗi. Bảy con muỗi thành một con rận. Bảy con rận thành một hạt lúa lép. Bảy hạt lúa lép thành một chỉ. Hai mươi bốn chỉ thành một chửu. Bốn chửu là một cung. Cách làng năm trăm cung là một câu lũ xá. tám câu lũ xá là một do tuần. Nên kệ nói rằng:

*“Bảy trần thành A nậu,
Bảy Nậu thành Đồng trần.
Thủy, thổ, ngưu mao trần,
Đến từ bảy mà ra”.*

Bởi vậy, trong luận dùng Câu lũ xá này để ước lượng thân của chư Thiên, từ thân của Tứ thiên vương đến thân của A ca ni tra. Vì thế, luận Bà-sa nói: “Thân Tứ thiên vương cao một câu lưu xá một phần bốn. Nếu nói theo kinh Chánh Pháp Niệm thì thân của các Thiên vương cao thấp đều bằng nhau (luận Tỳ-đàm cũng nói giống như vậy). Còn thân của Trời Tam thập tam cao nửa câu lưu xá. Thân Đế-thích cao một câu lưu xá. Thân Trời Dạ ma cao một câu lưu xá ruồi (nếu hỏi vì sao thân Đế-thích cao hơn thân của Trời Dạ ma, thì kinh nói vào thời quá khứ, Đế-thích chuyên tu hạnh cung kính, nên có thân cao lớn). Thân Trời Đâu suất cao một câu lưu xá, bằng thân Đế-thích. Thân Trời Hóa lạc

cao một câu lưu xá một phần bốn. Thân Trời Tha hóa tự tại cao một câu lưu xá rưỡi (chư Thiên Trời Dục giới đều cao như thế).

Thứ hai là Thân lượng chư Thiên cõi sắc giới: Theo luận Tỳ-đàm nói: “Trời Phạm chúng cao nữa do diên. Trời Phạm phước lâu cao một do diên. Trời Đại phạm cao một do diên rưỡi. Trời Quang thiên cao hai do diên. Trời Vô lượng quang cao bốn do diên. Trời Quang Âm cao tám do diên. Trời Thiếu tịnh cao mười sáu do diên. Trời Vô lượng tịnh cao ba mươi hai do diên. Trời Biến tịnh cao sáu mươi bốn do diên. Trời Phước khánh cao một trăm hai mươi lăm do diên. Trời Phước sinh cao hai trăm năm mươi do diên. Trời Quảng quả cao năm trăm do diên. Trời Vô tướng cũng cao như thế. Trời Thiện kiến cao bốn ngàn do diên. Trời Thiện hiện cao tám ngàn do diên. Trời Sắc cứu cánh cao mười sáu ngàn do diên.

Thứ ba là Thân lượng chư Thiên cõi vô sắc giới: vì cõi này thuộc về vô hình, nên không thể nói được (theo Đại thừa thì cũng có sắc vi tế, nhưng kinh luận bỏ qua không nói đến).

Thứ bảy: PHÂN Y LƯỢNG

Hỏi: “Y phục của chư Thiên thì thế nào?”. Đáp: “Chư Thiên trong sáu Trời của cõi Lục dục đều không mặc áo trời, du hành tự tại. Xem ra như mặc lớp hào quang sống động, không thể đem vải vóc thế gian so sánh. Y phục của chư Thiên cõi sắc giới, tuy gọi là thiên y, nhưng thật ra cũng như là hào quang, càng biến chuyển, càng đẹp đẽ, không thể diễn tả nổi. Còn kinh Khởi Thế nói: “Trời Tứ thiên vương thân cao nữa do tuần, áo dài một do tuần, rộng nửa do tuần, nặng nửa lượng. Trời Tam thập tam, thân cao một do tuần, áo dài hai do tuần, rộng một do tuần, nặng nửa lượng. Trời Dạ ma thân cao hai do tuần, áo dài bốn do tuần, rộng hai do tuần, nặng nửa lượng một phần bốn. Trời Đâu suất thân cao bốn do tuần, áo dài tám do tuần, rộng bốn do tuần, nặng nửa lượng một phần tám. Trời Hóa lạc thân cao tám do tuần, áo dài mười sáu do tuần, rộng tám do tuần, nặng nửa lượng một phần mười sáu. Trời Tha hóa tự tại thân cao mười sáu do tuần, áo dài ba mươi hai do tuần, rộng mười sáu do tuần, nặng nửa lượng một phần ba mươi hai. Chư Thiên Ma thân, thân cao ba mươi hai do tuần, áo dài sáu mươi bốn do tuần, rộng ba mươi hai do tuần, nặng nửa lượng một phần sáu mươi bốn. Từ đây trở lên, các Trời khác có thân lượng cao thấp và y phục dài ngắn đều bằng nhau, không khác biệt”. Kinh Khởi Thế còn nói: “Chư Thiên cõi Dục giới có nhiều loại áo quần trang nghiêm, không thể nói hết. Riêng hai

Trời Hóa lạc và Tha hóa tự tại, áo quần ăn mặc đều tùy theo ý muốn mà thành lớn nhỏ, trọng lượng cũng thế. Chư Thiên cõi Sắc giới, không mặc y phục cũng như có mặc, chẳng có gì khác biệt. Trên đầu tuy không có tướng Đỉnh kế nhưng cũng giống như có đội mũ Trời. Không phân biệt nam nữ, chỉ có một hình dáng giống nhau”. Kinh Trường A-hàm nói: “Trời Đạo lợi áo nặng một thù rưỡi. Trời Hóa lạc áo nặng một thù. Trời Tha hóa tự tại áo nặng nửa thù”. Luận Thuận Chánh Lý nói: “Thiên chúng cõi Sắc giới, khi sơ sinh, thể hình tròn trịa, áo quần đầy đủ”.

Thứ tám: PHẦN THỌ LƯỢNG

Theo luận A-tỳ-đàm nói: “Thọ lượng của chư Thiên như sau: nếu nhân gian sống năm mươi năm, thì Trời Tứ thiên vương là một ngày đêm. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Trời Tứ thiên vương là năm trăm tuổi. Tính theo ngày tháng của nhân gian là chín trăm vạn năm, thì số bằng một ngày đêm ở địa ngục Đẳng hoạt. Cứ dùng số ngày tháng này mà tính, thọ lượng của địa ngục Đẳng hoạt là năm trăm tuổi. Kể nhân gian một trăm năm bằng một ngày đêm ở Trời Tam thập tam. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Trời Tam thập tam là một ngàn tuổi. Tính theo ngày tháng của nhân gian là ba ức sáu trăm vạn năm thì số này bằng một ngày đêm ở địa ngục Hắc thẳng. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của địa ngục Hắc thẳng là một ngàn tuổi. Kể nhân gian hai trăm năm bằng một ngày đêm ở Trời Diệm ma. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Trời Diệm ma là hai ngàn tuổi. Tính theo ngày tháng của nhân gian là mười bốn ức bốn trăm vạn năm. Số này bằng một ngày đêm ở đại địa ngục Chúng hợp. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của đại địa ngục Chúng hợp là hai ngàn tuổi. Kể nhân gian bốn trăm năm bằng một ngày đêm ở Trời Đâu suất đà. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Trời Đâu suất đà là bốn ngàn tuổi. Tính theo ngày tháng của nhân gian là năm mươi bảy ức sáu trăm vạn năm. Số này bằng một ngày đêm ở Hô địa ngục. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Hô địa ngục là bốn ngàn tuổi. Kể nhân gian tám trăm năm bằng một ngày đêm ở Trời Hóa lạc. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Trời Hóa lạc là tám ngàn tuổi. Tính theo ngày tháng của nhân gian là hai trăm ba mươi ức năm. Số này bằng một ngày đêm ở địa ngục Đại hô. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của địa ngục Đại hô là tám ngàn tuổi. Kể nhân gian một ngàn sáu trăm năm bằng một ngày đêm ở

Trời Tha hóa tự tại. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Trời Tha hóa tự tại là mười sáu ngàn tuổi. Tính theo ngày tháng của nhân gian là chín trăm hai mươi một ức sáu trăm vạn năm. Số này bằng một ngày đêm ở Nhiệt đại địa ngục. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng một kiếp của Nhiệt đại địa ngục là mười sáu ngàn tuổi. Các Nhiệt đại địa ngục khác có thọ lượng nữa kiếp trên. Đại địa ngục Vô trạch có thọ lượng một kiếp nói trên. Súc sinh thọ lâu nhất, cũng một kiếp nói trên. Như luận nói các loài Rồng Địa trì, ngạ quỷ thọ lâu nhất được năm trăm tuổi”.

Thứ hai là tính thọ lượng ở sắc giới thì dùng kiếp làm đơn vị. Trước tiên, thọ lượng của Trời Phạm chúng là nửa kiếp. Trời Phạm phước lâu một kiếp. Trời Đại phạm một kiếp rưỡi. Trời Thiếu quang bốn kiếp. Trời Quang Âm tám kiếp. Trời Thiếu tịnh sáu kiếp. Trời Vô lượng tịnh ba mươi hai kiếp. Trời Biến tịnh sáu mươi bốn kiếp. Trời Phước ái một trăm hai mươi lăm kiếp. Trời Phước quang hai trăm năm mươi kiếp. Trời Quảng quả năm trăm kiếp. Trời Vô tướng cũng như thế. Trời Vô hy vọng một ngàn kiếp. Trời Vô nhiệt hai ngàn kiếp. Trời Thiện kiến bốn ngàn kiếp. Trời Sắc cứu cánh mười sáu ngàn kiếp.

Thứ ba là tính thọ lượng ở Vô sắc giới thì Trời Không xứ thọ hai vạn kiếp. Trời Thức xứ bốn vạn kiếp. Trời Vô sở hữu xứ sáu vạn kiếp. Trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ tám vạn kiếp. Tam giới đều có yếu nữa chừng, chỉ trừ Uất-đơn-việt, Bồ tát tối hậu thân ở Trời Đâu suất và Trời Vô tướng đều có thọ lượng nhất định, không nói đến yếu nữa chừng. Các cõi còn lại đều có yếu nữa chừng. Luận Thuận Chánh Lý cũng nói như thế. Tuy vậy, người Bắc cầu lô về đường Nhân đạo, vốn có phước lực mạnh nhất. Kẻ độn căn bạc trần quá ham thú khoái lạc, mang tội không biết nhiếp thọ, nhưng khi chết cũng được sinh vào thượng giới. Những người khác đều giống như đã nói trước đây. Hỏi: “Khi kiếp hỏa này nổi lên, đến cõi Sơ Thiên, tất cả đều bị thiêu rụi. Vì sao luận bảo rằng Thiên vương Đại phạm thọ được một kiếp rưỡi?”. Đáp: “Ở đây nói một kiếp rưỡi là căn cứ vào chỗ gộp sáu mươi Tiểu kiếp thành một kiếp rưỡi, chứ không căn cứ vào đại kiếp. Nếu căn cứ vào Đại kiếp thủy hỏa phong mà nói thì cũng như một kiếp hợp thành từ tám mươi Tiểu kiếp, trong đó còn thiếu hai mươi Tiểu kiếp. Dem so với lượng một kiếp rưỡi, ý nghĩa chẳng có gì sai”. “Làm thế nào biết được như thế?”. Theo luận Câu Xá cũ gọi là Biệt kiếp, luận Lật Thế A-tỳ-đàm gọi là tiểu kiếp, luận Câu Xá mới, luận Bà-sa mới gọi là trung kiếp. Ba danh từ này tuy khác nhau, nhưng thực chất chỉ là một, thì lượng cũng bằng nhau. Như

kinh A-hàm nói rằng: “Từ người thọ tám vạn bốn ngàn tuổi, cứ một trăm năm giảm bớt một tuổi, đến khi chỉ còn thọ mười tuổi. Từ thọ mười tuổi lại tăng dần lên đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Trải qua một kiếp tăng, một kiếp giảm. Ngần ấy thời gian gọi là thời lượng một trung kiếp (Biệt kiếp và Tiểu kiếp cũng y thế)”. Nếu theo luận Câu Xá thì lại nói: “Khi hết một đại vận Tam tai, bắt đầu từ khởi thủy đến chung cục của thế gian mới gọi là một đại kiếp. Theo một đại hạn Tam tai thủy hỏa phong như thế, phải trải qua tám mươi trung kiếp. Như phải trải qua một trung kiếp hoại, một trung kiếp thành, mười chín trung kiếp chúng sinh lần lượt trụ, hai mươi trung kiếp đang trụ, mười chín trung kiếp lần lượt hoại rồi không. Đây là một trung kiếp. Vừa gặp một đại hạn Tam tai thủy hỏa phong hủy hoại khí thế gian mười chín trung kiếp, liền gặp một tiểu hạn Tam tai đói kém, bệnh dịch, binh đao hủy hoại thế giới chúng sinh”. Vì hiểu theo nghĩa này, nên luận Tỳ-đàm mới nói: “Cõi nào trụ sau cùng thì cõi ấy không trước tiên. Cõi chúng sinh trụ sau cùng là nơi địa ngục A tỳ ở chỗ thấp nhất. Cõi này không sau cùng. Cõi chúng sinh trụ trước tiên không có quy tắc cố định. Nếu căn cứ vào kiếp hỏa, tức là cõi Sơ Thiên. Nếu căn cứ vào kiếp thủy, là cõi Nhị Thiên. Nếu căn cứ vào kiếp phong, là cõi Tam Thiên. Vì lập luận như thế, nên trong một đại kiếp có đủ sáu mươi trung kiếp ấy và hai mươi biệt kiếp trong không kiếp. Gộp đủ tám mươi Tiểu kiếp mới gọi là một đại kiếp. Biện luận về kiếp như thế, hiển nhiên không sai”.

Nay nói về Trời thứ nhất là Phạm chúng trong cõi Sơ Thiên có thọ lượng nửa kiếp thì phải biết dựa vào nửa kiếp gồm có hai mươi trung kiếp trong Biệt kiếp ấy mà bàn. Thứ hai là Trời Phạm phụ có thọ lượng một kiếp là điều căn cứ vào bốn mươi trung kiếp của Biệt kiếp ấy mà bàn. Theo đúng nghĩa này thì không sai được. Cõi Sơ Thiên đã như thế, từ cõi Nhị Thiên trở lên, phải biết đều căn cứ vào đại kiếp của Tam tai để minh định thọ lượng, chứ không dựa vào trung kiếp và Biệt kiếp nữa. Trong cõi Nhị Thiên thì thứ nhất là Trời Thiếu quang, có thọ lượng hai kiếp. Thứ hai là Trời Vô lượng quang có thọ lượng tám kiếp. “Nếu nói thủy tai đã ngập đến cõi Nhị Thiên, chư Thiên Trời Quang Âm làm sao thọ được tám đại kiếp?”. “Nên biết rằng sau bảy trận hỏa tai ấy, mới có năm trận thủy tai nổi lên, ngập đến cõi Nhị Thiên. Vì thế, chư Thiên Trời Quang Âm thọ được tám đại kiếp”.

Trong cõi Tam Thiên thì thứ nhất là Trời Thiếu tịnh, có thọ lượng 1 sáu kiếp. Thứ hai là Trời Vô lượng tịnh, có thọ lượng ba mươi hai kiếp. Thứ ba là Trời Biến tịnh, có thọ lượng sáu mươi bốn kiếp. “Nếu bảo

phong tai đã thổi đến cõi Tam Thiên, làm sao chư Thiên Trời Biến tịnh thọ được sáu mươi bốn kiếp?”. “Đây cũng là điều nên biết rằng sau đại vận sáu mươi ba trận thủy hỏa tai ấy, mới có một trận phong tai nổi lên. Thế nên chư Thiên Trời Biến tịnh có thọ lượng sáu mươi bốn kiếp. Làm thế nào biết được như thế?”. Điều này, trong luận Tỳ-đàm có nói: “Sau bảy hỏa kiếp dồn dập nổi lên, mới có năm trận thủy tai nổi dậy. Như thế thì bảy bảy bốn mươi chín lượt hỏa tai nổi lên, mới có bảy trận thủy tai nổi dậy. Nói gộp lại thì có năm mươi sáu kiếp. Lại nữa, sau khi trải qua năm mươi sáu kiếp này, còn có bảy trận hỏa tai xảy đến.. Và sau bảy trận hỏa tai này, mới có năm trận phong tai nổi lên, hủy hoại tận cõi Tam Thiên. Gộp chung các kiếp nói trên thành ra sáu mươi bốn kiếp”. Theo ý nghĩa này, thì Trời Biến tịnh thọ được sáu mươi bốn kiếp. Thế nên luận Tỳ-đàm nói kệ rằng:

*“Bảy hỏa lần lượt qua,
Sau đó mới một thủy.
Bốn chín hỏa, bảy thủy,
Lại bảy hỏa, sau phong”.*

Hỏi: “Trời Thức xứ, trong bốn cõi Trời ở vô sắc giới này, có thọ lượng gấp đôi Trời Không xứ. Chưa rõ vì sao thọ lượng của hai Trời ở sau không nhiều gấp đôi Trời Thức xứ ở trước?”.

Đáp: Như trong luận Bà-sa nói có ba Luận sư đều cùng giải thích về điều này. Thuyết của vị thứ nhất nói: “Hai cõi Không xứ, Thức xứ ấy, mỗi cõi đều có vô lượng hạnh và các hạnh khác đều là xả tất cả Nhập v.v... nên thọ lượng được gấp đôi. Không xứ, nhờ có vô lượng hạnh nên thọ được một vạn kiếp. Các hạnh khác được thọ thêm một vạn kiếp. Thế nên, gộp lại có thọ lượng hai vạn kiếp. Thức xứ, nhờ có vô lượng hạnh, nên thọ được hai vạn kiếp, các hạnh khác được thọ thêm hai vạn kiếp. Nhờ số này nhiều gấp đôi lần số trước, nên thọ lượng bốn vạn kiếp. Rốt lại, hai Trời ở trên, vì không có vô lượng hạnh, nên thọ lượng không thể nhiều gấp đôi”. Thuyết thứ nhất là như thế. Thuyết của Luận sư thứ hai nói: “Hai Trời Không xứ, Thức xứ, vì mỗi trời đều có hai loại huệ hạnh và định hạnh, nên thọ lượng gấp đôi. Huệ hạnh thọ được một vạn kiếp, định hạnh thọ được một vạn kiếp. Thế nên gộp lại, có thọ lượng hai vạn kiếp. Trời Thức xứ, nhờ định hạnh thọ được hai vạn kiếp, lại nhờ huệ hạnh thọ được thêm hai vạn kiếp. Do số này nhiều gấp một lần số trước, nên có thọ lượng bốn vạn kiếp. Hai cõi trên này, vì chỉ có định hạnh mà không có huệ hạnh, nên thọ lượng không thể nhiều gấp bội”. Thuyết thứ hai là như thế. Thuyết của Luận sư thứ ba cũng nói:

“Bốn cõi Vô sắc định, phần phước báo của mỗi cõi chỉ có hai vạn kiếp. Vì cố ly dục, không ly dục nên có thọ lượng gấp đôi và không gấp đôi. Trong cõi Không xứ định, vì chưa lìa được dục của chính mình, nên chỉ thọ hai vạn kiếp. Trong cõi Thức xứ, thọ được hai vạn kiếp, chính là thọ lượng của định. Do lìa được dục của Không xứ cho nên thọ thêm được hai vạn kiếp. Nhờ số này nhiều gấp đôi số trước, nên có thọ lượng bốn vạn kiếp. Vô sở hữu xứ thọ được hai vạn kiếp, chính là thọ lượng của định. Do lìa được dục của hai cõi Không xứ, Thức xứ, nên được thọ thêm bốn vạn kiếp. Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thọ được hai vạn kiếp, chính là thọ lượng của định. Nhờ lìa được dục của ba cõi dưới, nên có thọ lượng tám vạn kiếp”. Thuyết thứ ba là như thế, nghĩa lý đã hiển hiện ở đây rồi vậy.

Thứ chín: PHẦN TRỤ XỨ

Hỏi: Chỗ ở của chư Thiên có ý nghĩa như thế nào?”.

- Đáp: Theo như luận Bà-sa nói: “Trời tuy có ba mươi hai, nhưng chỗ ở chỉ có hai mươi tám tầng. Vì bốn cõi Không xứ tuyệt đối xa lìa hình sắc, nên không có chỗ ở riêng mà ở khắp trong hai cõi Dục giới và Sắc giới. Chỉ tùy thuộc chúng sinh trong hai cõi Dục giới và Sắc giới thành tựu được quả Tứ không ở Vô sắc giới, theo chỗ mệnh chung mà thọ phước báo ở cõi Vô sắc ấy, nên không có chỗ ở riêng. Điều này không giống với quan điểm hữu sắc của Đại thừa.

Hai mươi tám tầng Trời ấy là kể từ mặt đất ở chân núi Tu-di đi lên, cách bốn ngàn do tuần, vòng quanh núi ngang dọc rộng một vạn do tuần, trong đó là chỗ cư trú của Trời Kiên thủ. Lại đi lên một lần như thế, vòng quanh núi rộng tám ngàn do tuần, trong đó là chỗ cư trú của Trời Trì hoa man ấy. Lại đi lên một lần như thế, vòng quanh núi rộng bốn ngàn do tuần, trong đó là chỗ cư trú của Trời Thường phóng dật. Lại đi lên một lần như thế, vòng quanh núi rộng bốn ngàn do tuần, trong đó là chỗ cư trú của Trời Nhật nguyệt tinh tú. Lại đi lên một lần như thế, vòng quanh núi rộng bốn ngàn do tuần, trong đó là chỗ cư trú của Trời Tứ thiên vương (trong này, do có bảy loại núi vàng, có thành trì, làng mạc của Tứ thiên vương đều tọa lạc ở đó). Lại đi lên bốn vạn do tuần là đến đỉnh núi Tu-di, ngang dọc rộng bốn vạn do tuần, trong đó có thành Thiện kiến, ngang dọc rộng một vạn do tuần, đặc biệt có một ngàn cửa, trong đó là chỗ cư trú của Trời Tam thập tam. Từ đỉnh núi Tu-di, lại bay lên giữ không trung bốn vạn do tuần, có chỗ như mây, do bảy loại bảo vật tạo thành, nhưng lại giống đất bằng, trong đó là chỗ cư

trú của Trời Diệm ma. Lại bay lên một lần như thế, có chỗ như mây, do bảy loại bảo vật tạo thành, là Trời Đâu suất đà. Lại bay lên một lần như thế, có chỗ như mây, do bảy loại bảo vật tạo thành, là Trời Hóa lạc. Lại bay lên một lần như thế, có chỗ như mây, do bảy loại bảo vật tạo thành, là Trời Tha hóa tự tại. Cứ thế, bay lên đến Trời Sắc cứu cánh của sắc giới, đều có chỗ như mây, do bảy loại bảo vật tạo thành, cùng cách nhau một lần như thế, nên chẳng cần thuật đủ”. Theo luận Thuận Chánh Lý nói: “Trời Tam thập tam ở đỉnh núi Tô Mê Lô. Bốn mặt trên đỉnh núi, mỗi mặt rộng chừng hai mươi ngàn do tuần, nếu đo chu vi thì lên đến tám vạn do tuần. Thuyết của các Luận sư khác nói mỗi mặt rộng tám mươi ngàn do tuần, so với bốn mặt ở dưới, số lượng không khác. Ở bốn góc trên mặt đỉnh núi, mỗi góc đều có một ngọn núi, mỗi ngọn cao rộng chừng năm trăm do tuần. Có thần Dạ-xoa gọi là Kim cương thủ ở trong núi này hộ vệ chư Thiên. Giữa đỉnh núi Tu-di có cung điện gọi là Thiện kiến, bề mặt rộng hai ngàn năm trăm du thiện na, chu vi một vạn du thiện na. Kim thành cao một du thiện na rưỡi. Mặt đất trong kim thành bằng phẳng, do vàng thật đúc nên, đều được trang trí bằng một trăm lẻ một loại bảo vật khác nhau. Chạm vào mặt đất, êm mềm như nệm bông Đố la. Mỗi lần dẫm lên, theo chân lún xuống rồi nhô lên. Đây là kinh thành của Trời Đế-thích, thành có một ngàn cửa, trang sức tráng lệ, mỗi cửa có năm mươi Dạ-xoa mặc áo xanh, dũng mãnh uy nghiêm, cao một du thiện na, trang bị đầy đủ áo giáp binh khí, lo việc phòng thủ cửa thành. Trong thành có điện Thù thắng, trang hoàng đầy đủ các loại bảo vật, ánh sáng chói lòa Thiên cung, nên mới gọi là Thù thắng. Điện rộng hai trăm năm mươi du thiện na, chu vi một ngàn du thiện na. Đây gọi là những sự kiện khả ái trong thành. Ngoài thành, có bốn vườn trang hoàng khắp bốn mặt, là chỗ chư Thiên ở đấy cùng đến du hí. Thứ nhất là vườn chúng xa (các xe), nghĩa là ở trong vườn này, tùy thọ phước lực của mình, có các loại xe hiện ra. Thứ hai là vườn Thô xấu, nghĩa là mỗi khi chư Thiên muốn chiến đấu, tùy theo nhu cầu của mình mà có các loại khí giới hiện ra. Thứ ba là vườn Tạt lâm (rừng tạt), có nghĩa là mỗi khi chư Thiên vào đó, các loại thưởng ngoạn đều có như nhau, sinh nhiều vui thích. Thứ tư là vườn Hỷ lâm (rừng vui), rất đẹp, phô bày đủ loại dục trần, xem hoài không chán. Cảnh tượng của bốn vườn này đều khác lạ. Mỗi một vườn có chu vi một ngàn du thiện na, trong mỗi vườn có một ao Như ý, diện tích rộng năm mươi du thiện na, chứa đầy nước tám công đức. Chiều theo ý muốn, các loài chim chóc, hương thơm trong bốn vườn hiện ra trang trí, khác nhau tùy theo nghiệp quả. Thật

khó nghĩ bàn phước báo của chư Thiên. Ở góc Đông Nam ngoài thành, có đại Thiện pháp đường, là nơi chư Thiên Trời Tam thập tam hội họp bàn kỹ các việc chế phục A tố lạc hợp pháp và không hợp pháp Trời”.

Kinh Khởi Thế nói rằng Phật bảo Tỳ-kheo: “Vì nhân duyên nào, chỗ chư Thiên hội họp gọi là Thiện pháp đường?”. “Vì khi chư Thiên Trời Tam thập tam cùng ngồi hội họp trong đó, chỉ bàn luận nghĩa lý sâu xa, cân nhắc xét xem những lời vi diệu tốt lành, vốn là chính lý chân thật của các pháp trọng yếu ở thế gian, nên chư Thiên mới gọi đây là Thiện pháp đường”. “Lại vì nhân duyên nào, gọi là vườn Ba lâu sa ca?” (đời Tùy dịch là Thô nhám). “Vì chư Thiên Trời Tam thập tam vào trong đó xong, cùng ngồi trên hai phiến đá hiền và thiện hiền, chỉ bàn luận những lời đùa bỡn thô thiển nhám nhúa, không tốt lành ở thế gian, nên gọi là vườn Ba lâu sa ca”. “Lại vì nhân duyên nào, gọi là vườn Xe tạp sắc?”. “Vì chư Thiên Trời Tam thập tam vào trong đó xong, cùng ngồi trên hai phiến đá tạp sắc và thiện tạp sắc, chỉ bàn luận những lời nói đủ mọi sắc tướng hỗn tạp của thế gian, nên gọi là vườn Xe tạp sắc”. “Lại vì nhân duyên nào, gọi là vườn Tạp loạn?”. “Vì chư Thiên Trời Tam thập tam thường chọn ngày mồng tám, ngày rằm hàng tháng, thả tất cả thể nữ trong cung vào vườn này, để cùng chư Thiên Trời Tam thập tam cùng nhau trà trộn chơi đùa, không sinh lòng ngăn cách, mặc sức hoan lạc, rong chơi mua vui, hưởng thụ đầy đủ phước báo ngũ dục của Thiên giới, nên chư Thiên cùng gọi vườn này là vườn Tạp loạn”. “Lại vì nhân duyên nào, Trời ấy có vườn gọi là Hoan hỷ?”. “Vì chư Thiên Trời Tam thập tam vào trong đó xong, cùng ngồi trên hai phiến đá hoan hỷ và thiên hoan hỷ, lòng được vui vẻ và rất an lạc, nên cùng gọi vườn này là vườn Hoan hỷ”. “Lại vì nhân duyên nào, gọi là cây Ba lợi dạ đất la câu tỳ đà la?”. “Vì dưới cây ấy có vị Thiên tử đến ở, ngày đêm thường đem các loại phước báo ngũ dục đầy đủ, hòa hợp của cõi Trời ấy để đùa giỡn mua vui, nên chư Thiên bèn gọi cây ấy là cây Ba lợi dạ đất la câu tỳ đà la”.

Thứ mười: PHẦN QUẢNG HIỆP

Hỏi: Hạn lượng rộng hẹp của các cõi Trời là như thế nào?.

Đáp: “Như luận Bà-sa nói: “Riêng trên mặt núi Tu-di, ngang dọc rộng tám do tuần, trong đó chỗ bằng phẳng có thể ở được chỉ rộng bốn vạn do tuần. Trời Viêm ma rộng hơn mặt núi Tu-di nói trên bốn vạn do tuần, có lãnh thổ ngang dọc rộng tám vạn do tuần. Cứ thế, lần lượt đến Trời Tha hóa tự tại, rộng gấp đôi Trời trước, có lãnh thổ ngang dọc rộng

sáu trăm bốn vạn do tuần. Lãnh thổ của cõi Tứ thiên rộng hẹp không cố định”.

Có hai thuyết nói về điều này:

Thuyết thứ nhất cho rằng cõi Sơ Thiên rộng bằng một quốc độ. Cõi Nhị Thiên rộng bằng một Tiểu thiên thế giới. Cõi Tam Thiên rộng bằng một Trung thiên thế giới. Cõi Tứ Thiên rộng bằng một Đại thiên thế giới.

Thuyết thứ hai cho là cõi Sơ Thiên rộng bằng một Tiểu thiên thế giới. Cõi Nhị Thiên rộng bằng một Trung thiên thế giới. Cõi Tam Thiên rộng bằng một Đại thiên thế giới. Cõi Tứ Thiên rộng lớn vô biên, không thể nói được giới hạn (các Luận sư bình luận điều này cho rằng thuyết thứ hai là đúng).

Hỏi: “Từ cõi Sơ Thiên rộng bằng một Tiểu thiên thế giới cho đến cõi Tứ Thiên rộng lớn vô biên, chưa rõ trên Đại thiên thế giới của cõi Tứ Thiên ấy, phải có chung Trời Phạm Thiên của cõi Sơ Thiên, thậm chí phải có chung Trời Sắc cứu cánh. Hay là trên từng mỗi một quốc độ, phải có riêng Trời Phạm Thiên của cõi Sơ Thiên, thậm chí phải có riêng Trời Sắc cứu cánh? Trả lời rằng là theo kinh Lâu Thán nói: “Trên từng mỗi một quốc độ, phải có riêng, hết thấy đều không có chung”. Bởi thế, kinh ấy nói: “Trong Tam thiên thế giới, có hàng trăm ức quốc độ, núi Tu-di, biển lớn, núi Thiết vi, Trời Tứ thiên vương. Thậm chí trên từng mỗi một quốc độ, còn nói có hàng trăm ức Trời Sắc cứu cánh”. Kinh văn ấy đã hiển nhiên, khỏi nhọc công ngờ vực. Hơn nữa, như luận Thuận Chánh Lý có nói: “Nhỏ, nghĩa là dưới thấp, vì để đối lại với trên cao, cũng như trâu đất gãy sừng, do gom góp từ cục đất nhỏ bé mà thành lớn, nhưng cũng không ép đất vậy”. Hỏi: “Đã hay trên mỗi một quốc độ, thậm chí mỗi một quốc độ đều có Trời Sắc cứu cánh. Như thế, các Trời Sắc cứu cánh ấy đều ở riêng, há không gây trở ngại với nhau?”. Đáp: “Tuy mỗi một quốc độ đều có hàng trăm ức Trời Sắc cứu cánh, dù cùng ở chung một chỗ, cũng không hề gây trở ngại nhau. Điều ấy giống như ánh sáng cùng thấu nhập, cùng phổ biến khắp nhau, nên cũng không gây trở ngại với nhau. Các Trời Sắc cứu cánh ấy cũng như thế, vì nhờ vào sắc tướng vi diệu của mình. Thế nên, trong kinh mới nói: “Chư Thiên ở sắc giới hạ trần nghe thuyết pháp. Sáu chục vị Trời cùng ngồi trên đầu một mũi nhọn, không hề bị chật chội hay bị trở ngại đụng chạm gì”. Dem kinh văn ấy ra suy nghiệm, thì còn nghi ngờ vào đâu nữa!” (Thế nên, luận Nghĩa Thí nói: “Cõi Sơ Thiên giống như làng. Cõi Nhị Thiên giống như huyện. Cõi Tam Thiên giống như nước”).

Thứ mười một: PHẦN TRANG SỨC

Như luận Trí Độ nói: “Núi Tu-di cao ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, do bốn loại bảo vật tạo thành. Mặt Đông bằng vàng, mặt Tây bằng bạc trắng, mặt Nam bằng lưu ly, mặt Bắc bằng pha lê. Vòng quanh nữa chừng núi, bốn phía có bốn ngọn núi Du Càn Đà, mỗi ngọn cao bốn vạn hai ngàn do tuần. Bốn Thiên vương, mỗi vị ở một ngọn núi này”. Kinh Trường A-hàm nói: “Mặt Bắc làm bằng vàng thật, soi sáng phương Bắc. Mặt Tây làm bằng thủy tinh, soi sáng phương Tây. Mặt Đông làm bằng bạc trời, soi sáng phương Đông. Mặt Nam làm bằng lưu ly, soi sáng phương Nam”. Luận Trí Độ nói: “Bốn Thiên vương, mỗi vị ở trong thành của mình. Thành phương Đông gọi là Thượng hiền. Thành phương Nam gọi là Thiện kiến. Thành phương Tây gọi là Châu la. Thành phương Bắc có ba tên: một là Khả úy, hai là Thiên kính, ba là Chúng quy”.

Lại nữa, kinh Trường A-hàm nói: “Bát già đức bạch đức Thế-tôn: “Một thửa nọ, chư Thiên Trời Đao lợi tụ họp ở Thiện pháp đường, có việc bàn luận. Bấy giờ, bốn Thiên vương, tùy theo địa vị của mình, mỗi vị đều an tọa. Thiên vương Đề Đầu Lại Tra ngồi tại phía Đông, mặt hướng về phương Tây, Đế-thích ngự phía trước. Thiên vương Tỳ Lâu Lặc Xoa ngồi tại phía Nam, mặt hướng về phương Bắc, Đế-thích ngự phía trước. Thiên vương Tỳ Lâu Ba Xoa ngồi tại phía Tây, mặt hướng về phương Đông, Đế-thích ngự phía trước. Thiên vương Tỳ-sa-môn ngồi tại phía Bắc, mặt hướng về phương Nam, Đế-thích ngự phía trước. Khi bốn Thiên vương đã an tọa xong, con mới ngồi vào chỗ của mình”.

Hơn nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Như Đại thành Thiện kiến ở Trời Đao lợi có chu vi bốn vạn mười ngàn do tuần, thành được bao bọc bằng vàng ròng, cao mười do tuần, có tường ẩn nắp cao nửa do tuần, cửa thành cao hai do tuần, cửa đôi phía ngoài cao một do tuần rưỡi, cách chừng mười do tuần lại có một cửa. Ở bốn mặt thành là lầu Thiên môn. Các cửa thành này làm bằng nhiều loại bảo vật, được trang trí bằng các loại châu ngọc quý hiếm. Phần Kim thành ở trung tâm có diện tích bằng một phần tư của Đại thành, là chỗ cư trú của Đế-thích, cách mười hai do tuần thì có hai cửa, khắp bốn mặt Kim thành có bốn trăm chín mươi chín cửa, lại có thêm một cửa nhỏ, cả thảy là năm trăm cửa. Việc canh phòng thành này được giao phó cho bốn cánh quân. Mọi thứ hào lũy, ao hồ cây cảnh, tạp lâm, cung điện ca kỹ hát xướng, các trò vui xa lạ, các loại hình trang trí quý giá, nhiều không thể nói hết. Tòa Bảo lầu Bảo các nhiều tầng ở trung tâm của Kim thành này tên là lầu Bì Thiên Diên Đa, dài năm trăm do tuần, rộng hai trăm năm mươi do tuần. Bốn

phía tòa Bảo các cửa thành này đều có Bảo lâu lùì địch. Phía Đông có hai mươi sáu sở, ba phía còn lại mỗi phía có hai mươi lăm sở, tổng cộng có một trăm lẻ một sở. Mỗi một Bảo lâu lùì địch rộng vuông vức hai do tuần, chu vi tám do tuần. Trên Bảo lâu lùì địch lại có một Bảo lâu nhỏ, cao nữa do tuần để làm nơi quan sát. Mỗi một Bảo lâu lùì địch có bảy Thiên nữ, mỗi một Thiên nữ này có bảy thể nữ theo hầu. Trong tòa Bảo lâu nhiều tầng này, có một vạn bảy trăm gian phòng, trong mỗi một gian phòng lại có bảy Thiên nữ, mỗi một Thiên nữ lại có bảy thể nữ theo hầu. Tất cả các Thiên nữ này đều là Chánh phi của Đế-thích. Trong các Bảo lâu lùì địch phía ngoài và trong các gian phòng, có tất cả bốn ức chín vạn bốn ngàn chín trăm Chánh phi, ba mươi bốn ức sáu vạn bốn ngàn ba trăm thể nữ. Chánh phi và thể nữ gộp thì lại lên đến ba mươi chín ức năm vạn chín ngàn hai trăm vị. Trên tận cùng tòa Bảo lâu Bì Thiên Diên Đa, có Viên thất nằm chính giữa, rộng ba mươi do tuần, chu vi chín mươi do tuần, cao bốn mươi lăm do tuần, là chỗ cư trú của Đế-thích, tất cả đều làm bằng pha lê, có nhiều loại bảo vật trang trí xen đầy”.

Lại nữa, kinh Tạp A-hàm nói: “Trong cung điện của Đế-thích, có nhà Tỳ xà diên, có hàng trăm lầu quán, có bảy lớp tầng lầu, có bảy lớp gian phòng, có bảy Thiên hậu. Mỗi vị có bảy thị nữ theo hầu. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên du hành khắp Tiểu thiên thế giới nhưng chưa thấy ở đâu có lầu quán trang nghiêm như nhà Tỳ xà diên này vậy”.

Theo kinh Khởi Thế nói: “Về chạm trổ trang trí, lối hưởng thụ hoan lạc ở Thiên cung trong Kim thành của Đế-thích, không thể nào nói hết. Mô tả như thế, cảnh trí như thế là nơi Thích-đề-hoàn Nhân và Nữ A-tu-la Xá-chi cùng ở, còn hóa thân của Đế-thích lại ở cùng với các Chánh phi khác. Tất cả các Chánh phi đều suy nghĩ như thế này: “Hóa thân của Đế-thích ở cùng chúng ta, còn chân thân ở cùng Xá-chi”. Nhà cửa bốn phía trong thành này, đường xá chợ búa tất cả đều xây đắp ngay hàng thẳng lối. Thiên chúng trong thành này, tùy theo phước báo, có nhà cửa nhiều ít, đều làm bằng các loại bảo vật bằng phẳng, sắp xếp ngay ngắn chỉnh tề. Đường xá trong thành này lên đến năm trăm, bốn ngã thông nhau, hàng lối phân minh, rộng bằng đường chính, đổ ra bốn cửa, Đông Tây quang đấng, cùng nhìn thấy nhau, phố xá chợ búa chất đầy hàng hóa quý hiếm. Trên nữa tầng không có bảy khu chợ. Thứ nhất là chợ lúa gạo. Thứ hai là chợ y phục. Thứ ba là chợ hương phẩm. Thứ tư là chợ ăn uống. Thứ năm là chợ tràng hoa. Thứ sáu là chợ thủ công. Thứ bảy là chợ kỹ nữ. Các chợ đều có quan chợ trông coi. Trong các chợ

này, thiên nam, thiên nữ cùng tới lui mua bán, thương lượng mắc rẻ, trả giá thêm bớt, cân lường đo đạc, đủ các phép chợ, tuy rằng làm thế, cốt để vui đùa. Thật tâm Thiên chúng, không lấy không cho, không giành phần riêng. Thấy có nhu cầu, có thể cầm lấy mang về. Nếu thấy ưng ý, tùy thích lựa chọn mà lấy. Nếu không ưng ý, liền nói thế này: “Vật này quý hiếm không thuộc về nhu cầu của ta”. Đường sá trong chợ, êm ái dễ đi, trang hoàng đầy bảo vật, treo đầy áo trời, dựng đầy cờ xí, đủ loại âm nhạc, ca hát không lúc nào ngừng. Lại có tiếng nói: “Đến đây, đến đây! Mọi thứ ăn uống, xin đem cúng dường!” Kinh thành Thiện kiến do Đế-thích cư trú này, còn có châu Trời, quận Trời, huyện Trời, thôn Trời bao bọc khắp chung quanh (ngoài ra, chỗ ở của chư Thiên này được trang hoàng bằng hương thơm, âm nhạc đầy đủ khắp nơi. Hưởng thụ phước báo hoan lạc đến mức không thể sách nào chép hết). Từ phía ngoài cửa Bắc của thành Thiện kiến, đi hết 20 dặm, có một vườn lớn tên là Hoan hỷ, chu vi một ngàn do tuần, trong đó có ao cũng tên là Hoan hỷ, vuông vức một trăm do tuần, sâu cũng một trăm do tuần, chứa đầy nước Trời. Các thứ gạch đá xây cất bờ ao và đáy ao làm bằng bốn loại bảo vật. Phía ngoài cửa Đông của thành này có vườn tên là Chúng xa, trong đó có ao tên là Chất đa la. Phía ngoài cửa Nam của thành có vườn tên là Tạp viên, trong đó có ao cùng tên. Các vườn và ao này lớn nhỏ cũng giống như đã nói ở trên. Trong bốn khu vườn này, có đủ loại hoa quả thơm tho, chim rừng bay lượn ca hát, điểm tô cảnh sắc thêm đẹp đẽ, không thể nào nói hết được”.

Thứ mười hai: PHẦN TẤU THỈNH

Như luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Bấy giờ, Đế-thích dẫn các Thiên chúng vào dục viên chơi rồi đến Thiện pháp đường. Chư Thiên đứng chung quanh, cung nghinh Đế-thích vào vườn. Bên cạnh cột trong cùng của Thiện pháp đường có sư tử tọa. Đế-thích đến ngự trên bảo tọa ấy. Hai bên tả hữu, mỗi bên mười sáu Thiên vương xếp hàng ngồi xuống. Chư Thiên khác tùy theo địa vị cao thấp, xếp hàng cùng ngồi. Bấy giờ, Đế-thích có hai vị thái tử: vị thứ nhất tên là Chiên Đàn, vị thứ hai tên là Tu-tỳ-la, là hai đại tướng của Trời Đạo lợi, cùng ngồi xuống hai bên tả hữu của Trời Tam thập tam. Bấy giờ, Thiên vương Đề Đầu Lại Tra đang ngồi theo cửa Đông, cùng các đại thần và quân lính, cung kính xin chư Thiên được vào ngồi phía trong. Bấy giờ, Thiên vương Tỳ Lưu Lặc Xoa đang ngồi theo cửa Nam, cùng các đại thần và quân lính, cung kính xin chư Thiên được vào ngồi phía trong. Bấy giờ, Thiên vương

Tỳ Lưu Bác Xoa đang ngồi theo cửa Tây, Thiên vương Tỳ-sa-môn đang ngồi theo cửa Bắc (đều hành lễ như thế, xin được ngồi phía trong).

Tại Thiện pháp đường, bốn Thiên vương này đem tâu lên các việc thiện ác của thế gian với Đế-thích và Trời Đao lợi. Khi ấy, đức Thế-tôn bảo thế này: “Vào ngày mồng tám hằng tháng bốn Thiên vương du hành khắp thế gian, lần lượt quan sát vào đúng ngày này, nhiều ngân nào, ít ngân nào, kẻ giữ gìn tám giới. Nhiều ngân nào, ít ngân nào, kẻ làm bố thí. Nhiều ngân nào, ít ngân nào, kẻ tu hạnh phước đức. Nhiều ngân nào, ít ngân nào, kẻ kính trọng cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, các vị tôn trưởng trong nhà. Vào ngày mười bốn và rằm hằng tháng, cũng làm như thế. Nếu không có kẻ gìn giữ tám giới, bố thí, tôn trọng, bảy giờ, bốn Thiên vương Thiện pháp đường, đem mọi việc ấy tâu lên cùng Đế-thích. Bảy giờ, Đế-thích và chư Thiên nghe xong, sinh lòng áo não, phán thế này: “Việc này không tốt, trong nhà lỗi đạo, các tôn trưởng của chư Thiên ắt phải hao tổn, bè bạn A-tu-la ắt ngày càng nhiều hơn”. Nếu có kẻ giữ gìn tám giới, bố thí tu phước, kính lễ các vị Sa-môn, tôn trưởng. Bốn Thiên vương đem tâu lên xong, Đế-thích và chư Thiên nghe xong sẽ sinh lòng hoan hỷ, nói thế này: “Việc này rất tốt, quyền thuộc của chư Thiên theo chánh pháp ngày càng đông đảo, bạn bè A-tu-la dần dần giảm bớt”. Thế nên, trùng tụng dẫn chứng lời kệ của Phật như sau:

*“Bốn đại thân Thiên vương,
Mồng tám xét thiên hạ.
Thái tử của Thiên vương,
Mười bốn xem thế gian.
Ngày rằm là tốt nhất,
Nghe đồn danh Thiên vương,
Du hành khắp thế gian,
Xem xét việc thiện ác.
Cho hay ý thế gian,
Cùng hợp với Thiên đạo.
Tôn trưởng có nhiều vị,
Bố thí thành Bồ tát.
Trừ sân, thường tu đạo,
Nam nữ phước đức tăng.
Bảy giờ Trời Đao lợi,
Hay tin, rất hoan hỷ,
Thường đem lòng tán thán.*”

Thiên vương râu việc tốt,
 Quyển thuộc của chư Thiên,
 Dần dần đông đúc hơn.
 Cầu xin bạn tu la,
 Ngày càng giảm bớt dần.
 Thường tâm niệm chánh giác,
 Phật bảo cùng Thánh chúng,
 Được an lạc trên Trời.
 Tâm thường sinh hoan hỷ,
 Chứng thế, xuất thế quả,
 Được sinh vào Nhân đạo.
 Tốt với Phật, Pháp, Tăng,
 Được ở cùng Tam bảo.
 Ta nay vì các người,
 Nói ba điều hiền thiện.
 Nếu ai tìm chân thật,
 Bỏ ác, tu hạnh thiện.
 Có được của báu này,
 Từ ít sẽ thành nhiều.
 Các Trời Đạo lợi kia,
 Nhờ thiện nhỏ, sinh Thiên.
 Các vị Trời Đế-thích,
 Nhờ phước đức nổi danh,
 Họp ở Thiện pháp đường,
 Và ở các nơi khác.
 Nam nữ nào làm thiện,
 Được Thiên vương râu lên,
 Trời đem lòng yêu mến,
 Huân tập khắp chư Thiên”.

Thứ mười ba: PHẦN THÔNG LỰC

Theo kinh Lâu Thán nói: “Trong khoảng giữa hai cõi Dục giới và Sắc giới, có riêng Ma cung. Ma ấy chất chứa lòng ganh tỵ như đá mài, mài tan công đức. Ma cung ngang dọc rộng sáu ngàn do tuần, có bảy lớp tường thành, đều rất nghiêm trang, như ở cõi Trời phía dưới. Bảy cõi Trời phía trên có đủ mười phép: Một là bay đi không hạn chế số lần. Hai là bay đến không hạn chế số lần. Ba là đi không trở ngại. Bốn là đến không trở ngại. Năm là thân Trời không có da dẻ, xương tủy, gân

cốt, huyết thịt. Sáu là thân không có đại tiện, tiểu tiện dơ uest. Bảy là thân không gầy gò quá mức. Tám là Thiên nữ không sinh sản. Chín là mắt Trời không biết nháy. Mười là thân tùy theo ý muốn, thích xanh thì hóa xanh, thích vàng thì hóa vàng. Thích các màu sắc khác, cũng đều được như thế. Lại có thêm mười sự kiện: Một là phi hành không cùng. Hai là đi về không cùng. Ba là Trời không trộm cắp. Bốn là không kể cho nhau chuyện tốt xấu của bản thân. Năm là không lấn chiếm nhau. Sáu là răng cửa chư Thiên đều đặn và suôn. Bảy là tóc màu hoe xanh, óng ả, dài tám thước. Tám là người Trời màu xanh, tóc cũng màu xanh. Chín là nếu muốn thành trắng, thân liền thành trắng. Mười là nếu muốn thành đen, thân liền thành đen”.

Kinh Khởi Thế cũng nói: “Tất cả chư Thiên đều có mười phép riêng. Là mười phép gì? Một là khi chư Thiên đi, thì đi lại không cùng. Hai là khi chư Thiên đi, thì đi lại vô ngại. Ba là khi chư Thiên đi, thì không nhanh chậm. Bốn là khi chư Thiên đi, thì chân không có dấu. Năm là thể lực của chư Thiên không sợ mệt nhọc. Sáu là thân của chư Thiên có hình không có bóng. Bảy là chư Thiên không có đại tiện, tiểu tiện. Tám là tất cả chư Thiên không hỉ mũi, nhổ nước bọt. Chín là thân của chư Thiên thanh tịnh tốt đẹp, không có da thịt, gân mạch, khí huyết, cốt tủy. Mười là thân của chư Thiên muốn hiện thành cao thấp, xanh vàng, đỏ trắng, lớn nhỏ, tinh thô, tùy theo ý muốn liền được. Tất cả đều tuyệt đẹp, trang nghiêm lạ lùng, khiến người yêu thích. Tất cả chư Thiên đều có đủ mười loại phép riêng không thể nghĩ bàn này. Hơn nữa thân của chư Thiên sung mãn, đầy đặn. Răng trắng, vuông vức khít khao. Tóc xanh ngay ngắn, mềm mại, óng ả. Thân có hào quang và có thần lực. Cưỡi hư không ngao du. Mắt nhìn không chớp. Có chuỗi ngọc tự nhiên, y phục không cấu bẩn.

Như luận Thuận Chánh Lý nói: “Bốn Thiên vương bay lên Trời Tam thập tam, không thấy được Trời Tam thập tam ấy. Bay lên gặp chư Thiên Dạ ma, cũng thế. Nếu bốn Thiên vương ấy có được thần thông phát huy từ định lực, thì đã có thể bay lên gặp được tất cả chư Thiên trên các cõi ấy. Hoặc nhờ Tha lực, thì đã có thể bay lên gặp chư Thiên trên các cõi ấy. Nghĩa là có được thần thông và sự tiếp dẫn của Thiên chúng trên ấy, thì có thể bay lên được các cõi ấy, tùy theo ý muốn. Hoặc chư Thiên trên ấy giáng hạ, thì có thể thấy được. Nếu khi chư Thiên trên ấy giáng hạ, không có hóa thân của cõi dưới, thì mắt của kẻ dưới không thể thấy được, vì khác cảnh giới, nên không biết được xúc trần của cõi trên ấy. Khi cõi trên giáng hạ xuống cõi dưới, cần phải hóa thành thân cõi

dưới, khiến chúng sinh cõi dưới có thể thấy được Trời của cõi trên”.

Luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Người Diêm-phù-đề, nếu lia thần thông và tha lực, thì không thể thấy được các sắc trần cản trở bên ngoài. Người ba châu còn lại, nếu lia tha lực, thì không thể thấy được các sắc trần cản trở bên ngoài. Chư Thiên cõi Lục dục, nếu rời thần thông và tha lực, dù ngay ở cõi mình, không thể thấy rõ được các sắc trần cản trở bên ngoài. Nếu khi nhìn ra xa, chỉ thấy được phía trong núi Thiết Vi, không thể thấy được các sắc tướng phía ngoài núi ấy. Thiên vương Đại phạm, ở trong cung điện của mình, nếu lia thần thông và tha lực, thì không thể thấy được các sắc trần cản trở bên ngoài. Nếu nhìn ra xa, chỉ thấy được trong phạm vi một ngàn thế giới”.

Thứ mười bốn: PHÂN THÂN QUANG

Theo luận Trí Độ nói: “Phước báo của chư Thiên làm thân sinh ra hào quang, nghĩa là thân của chư Thiên ở Dục giới thường phát hào quang, sánh kịp các loại đèn đuốc, minh châu. Nhờ các phép giữ giới, Thiền định được thanh tịnh, nên thân có hào quang, không cần mặt trời mặt trăng soi sáng. Chư Thiên ở Sắc giới hành Thiền liả dục, tu tập được lửa Tam muội, nên thân thường phát hào quang vi diệu, hơn cả mặt trời mặt trăng và hơn cả chư Thiên liả dục ở dục giới, được phước báo thân có hào quang. Nói tóm lại, chủ yếu, các hào quang này đều do tâm thanh tịnh mà có. Như các luận giải thích, trên mặt Phật thường có hào quang chiếu sáng, mỗi đạo dài hằng t्रượng. Hào quang ở thân chư Thiên rất lớn lao, dù đến vô lượng do tuần, nhưng để bên hào quang hằng t्रượng trên mặt Phật thì lại bị che mất, không thấy hiện ra”. Lại nữa, kinh Ưu-bà-di Tịnh hạnh nói rằng Phật bảo Tỳ-kheo: “Như Lai có sáu loại hào quang. Là sáu loại nào? Một là hào quang xanh. Hai là hào quang vàng. Ba là hào quang đỏ. Bốn là hào quang trắng. Năm là hào quang hồng. Sáu là hào quang tím. Tất cả đều chiếu sáng. Đấy gọi là hào quang của Như Lai”. Lại nữa, kinh Trường A-hàm nói: “Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ánh sáng của đom đóm không bằng ánh sáng của đèn đuốc. Ánh sáng của đèn đuốc không bằng ánh sáng của đuốc lớn. Ánh sáng của đuốc lớn không bằng ánh sáng của đồng lửa. Ánh sáng của đồng lửa không bằng ánh sáng của bốn Thiên vương. Ánh sáng của cung điện, y phục, hào quang trên thân của bốn Thiên vương gộp lại không bằng ánh sáng của Trời Tam thập tam. Lửa lướt cho đến ánh sáng của Trời Sắc cứu cánh không bằng ánh sáng của Trời Tha hóa tự tại. Ánh sáng của Trời Tha hóa tự tại không bằng ánh sáng của Phật.

Nếu đem gộp lại tất cả mọi chỗ ánh sáng ấy, từ ánh sáng của đom đóm đến ánh sáng của Phật, cũng không bằng được ánh sáng của Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Thế nên, các Tỳ-kheo muốn tìm ánh sáng, thì phải tìm ánh sáng của Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Vả lại, con người có bảy sắc. Là bảy sắc nào? Có người có sắc vàng của vàng, có người có sắc lửa, có người có sắc xanh, có người có sắc đỏ, có người có sắc đen. Đôi lúc chư Thiên và A-tu-la cũng có bảy sắc như thế”. Hơn nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Màu sắc trên thân chúng sinh ở Nam Diêm-phù-đề có nhiều loại, không giống chúng sinh ở Đông Phất-bà-đề. Người Tây Cù-da-ni, trừ màu đen ra, các màu khác đều giống người Nam Diêm-phù-đề. Tất cả người Bắc Uất-đơn-việt chỉ có thuần một màu trắng. Bốn Thiên vương có bốn loại màu: Có xanh hoe, có đỏ, có vàng, có trắng. Tất cả chư Thiên ở dục giới cũng đều như thế”. Tại sao bảo màu sắc của chư Thiên này có bốn loại? Bởi vì khi mới thọ sinh, nếu thấy màu xanh hoe rục rở thì có màu xanh hoe. Các màu còn lại cũng đều như thế”.

Thứ mười lăm: PHÂN THỊ DỊCH

Theo kinh Khởi Thế nói: “Người Diêm-phù-đề có việc mua bán, hoặc dùng tiền bạc, bảo vật, hoặc dùng lúa gạo, vải lụa, hoặc dùng chúng sinh. Người Cù-da-ni có việc mua bán, hoặc dùng trâu dê, hoặc dùng châu ngọc quý hiếm. Người Phất-bà-đề có việc mua bán, hoặc dùng hàng hóa vải lụa, hoặc dùng ngũ cốc, hoặc dùng châu ngọc quý hiếm. Người Uất-đơn-việt không dùng đến việc mua bán, vì nhu cầu tự nhiên có sẵn”.

Như kinh Khởi Thế nói: “Chư Thiên ở cõi Dục giới, như Trời Tứ thiên vương, Trời Tam thập tam đều có việc mua bán, đi tham quan, song chỉ cốt cho vui vẻ tinh thần. Thật sự khác hẳn với người thế gian, như trước đây đã nói”.

Thứ mười sáu: PHÂN HÔN LỄ

Như kinh Khởi Thế nói: “Ba châu còn lại đều có phép tắc hôn lễ giữa nam nữ. Người Uất-đơn-việt không có chỗ riêng. Nếu cây cong xuống che kín, nam nữ liền giao hợp, không dùng đến hôn lễ. Các loại Rồng, chim Kim sí, A-tu-la đều có phép tắc hôn lễ giữa nam nữ, hơi giống người thế gian. Chư Thiên cõi Lục dục và Thiên ma đều có hôn lễ, như trên đã nói qua. Từ đây trở lên các Trời còn lại, đều không có chuyện hôn lễ, vì không có sự khác biệt về nam nữ. Người ở bốn châu,

nếu mỗi lần muốn hành dục, thì hai vật âm dương cùng đến, chất dơ tiết ra. Tất cả các loại Rồng, chim Kim sí, nếu mỗi lần muốn hành dục, thì hai vật âm dương cùng đến, chỉ có làn khí tỏa ra, liền được khoái lạc, không có chất dơ. Trời Tam thập tam, mỗi lần muốn hành dục, thì hai vật âm dương cùng đến, liền được khoái lạc, cũng tỏa ra làn khí, như các loài Rồng, chim Kim sí ở trước, không khác chút nào. Trời Dạ ma cùng nắm tay nhau thành ra hành dục. Trời Đâu suất đà cùng tưởng nhớ đến nhau thành ra hành dục. Trời Hóa lạc cùng nhìn nhau say đắm thành ra hành dục. Trời Tha hóa tự tại cùng tâm sự với nhau thành ra hành dục. Các Trời Ma thân cùng trông nhau thành ra hành dục. Tất cả đều được khoái lạc, thỏa nguyện chuyện dục”.

Hơn nữa, luận Lập Thế nói: “Trời Tứ thiên vương nếu đi hỏi Thiên nữ, khi nhà Thiên nữ hứa gã xong xuôi, mới được rước dâu, hoặc bán chác, hoặc trao đổi. Chư Thiên cõi Dục giới cũng đều như thế. Người Diêm-phù-đề và ba châu còn lại, các Trời Tứ thiên vương, Trời Đao lợi đều phải cùng nhau hòa hợp mới thành dục. Trời Dạ ma cùng ôm ấp nhau thành ra hành dục. Trời Đâu suất cùng nắm tay nhau thành ra hành dục. Trời Hóa lạc cùng cười với nhau thành ra hành dục. Trời Tha hóa tự tại cùng nhìn nhau thành ra hành dục. Người Tây Cù-da-ni hưởng thụ khoái lạc nhiều gấp đôi người Diêm-phù-đề. Cứ thế, lần lượt lên đến Trời Tha hóa tự tại hưởng thụ khoái lạc nhiều gấp đôi Trời Hóa lạc. Người bốn châu còn lại đều có kẻ kén ăn, đều có kẻ mang thai, các Thiên nữ ở cõi Trời Tứ thiên vương không ăn rở, không mang thai, không sinh con, không ẵm con. Khi nam nữ sinh con, hoặc trên đầu gối, hoặc ở chỗ ngủ, đều có thể sinh được. Nếu sinh ở chỗ người nữ, Thiên nữ nghĩ rằng: “Đây là con ta”. Thiên nam cũng nói là: “Đây là con ta”. Thế là con của một cha một mẹ. Nếu sinh trên đầu gối, ở chỗ ngủ của người cha thì con chỉ có một cha, nhưng các thê thiếp khác đều được làm mẹ. Cũng có người tu hành đến chết, không hành dục. Chuyện sinh con, hành dục của Trời Tứ thiên vương nhiều vô số lượng, nhưng cũng có người tu hành đến chết, không hành dục. Tất cả chư Thiên ở cõi Dục giới cũng đều như thế. Hết thấy người nữ đều lấy sự đụng chạm làm khoái lạc. Tất cả người nam, khi tiết ra chất dơ, đều lấy làm khoái lạc. Chư Thiên ở dục giới lấy việc tỏa ra chất khí làm khoái lạc”.

Lại nữa, luận Tân Bà-sa nói: “Dẫn chứng lời Khế kinh bảo: “Lúc kiếp mới bắt đầu, người không có vật âm dương, hình tướng không khác nhau. Sau khi ăn vị đất, liền sinh ra vật âm dương, do đó mới có hình tướng nam nữ khác nhau. Vì cõi Sắc giới xa lìa Đoạn thực, nên không

có hai vật âm dương”. Có người bảo: “Hai vật âm dương, cõi Dục giới dùng đến, cõi Sắc giới không dùng. Thế nên, cõi Sắc giới ấy không có hai vật này. Hai căn mũi lưỡi, cõi Dục giới dùng đến, cõi Sắc giới không dùng. Thế nên, cõi Sắc giới ấy không có hai căn này”. Hỏi: “Thiên chúng ở sắc giới là nữ hay nam?”. Đáp: “Nên nói thế này: “Cõi ấy đều là nam. Tuy không có nam căn, nhưng tướng còn lại đều tướng trượng phu, lại thường xa lìa dục nhiễm, nên mới nói đều là nam”.

Thứ mười bảy: PHẦN ẤM THỰC

Như kinh Khởi Thế nói: “Tất cả chúng sinh có bốn loại thức ăn để nuôi dưỡng các đại dục duy trì. Là bốn loại nào? Thứ nhất là Thọ đoạn và vi tế thực, thứ hai là Xúc thực, thứ ba là Ý tứ thực, thứ tư là Thức thực. Loại chúng sinh nào cần ăn Thọ đoạn vi tế thực? Như các người Diêm-phù-đề ăn các thứ bột ngũ cốc, đậu, thịt, gọi là Thọ đoạn thực. Xoa bóp, tắm rửa, chùi sáp thơm gọi là Vi tế thực. Ngoài ra, người ba châu và chư Thiên cõi Lục dục đều dùng đến Thọ đoạn và Vi tế thực. Từ đây trở lên các Trời Sắc giới, Vô sắc giới đều lấy Thiền duyệt, Pháp hỷ làm thức ăn, không dùng đến Thọ đoạn và vi tế thực”.

Hỏi: “Loại chúng sinh nào lấy Xúc làm thức ăn?”.

Đáp: “Tất cả các loài noãn sinh, vì có thân nên đều lấy Xúc làm thức ăn”.

Loại chúng sinh nào lấy Ý tứ làm thức ăn?. “Nếu có chúng sinh nào lấy ý tứ nuôi dưỡng các ăn tăng trưởng như các loài cá, ba ba, rắn, ếch ương, Già la cù đà và các chúng sinh khác đều lấy ý tứ nuôi dưỡng mạng sống các căn, thì các chúng ấy đều dùng ý tứ làm thức ăn”.

Loại chúng sinh nào lấy Thức làm thức ăn?. “Nghĩa là các loại chúng sinh ở địa ngục và các Trời Vô biên thức xứ đều lấy ý thức làm thức ăn. Trời Tứ thiên vương đều ăn vị Tu đà. Sáng ăn một năm, chiều ăn một năm. Ăn vào cơ thể xong liền biến đổi thành thân mạng. Vị Tu đà này ở vườn tược, ao hồ, vườn cảnh đều có mọc tự nhiên. Vị Tu đà này cũng có thể biến thành tám món ăn uống như Khư đà ni. Tất cả chư Thiên ở Dục giới cũng đều ăn như thế. Chư Thiên ở Sắc giới, từ cõi Sơ Thiên đến cõi Biến tịnh, đều lấy niềm vui làm thức ăn. Chư Thiên từ cõi Vô sắc giới trở lên, đều lấy ý thức làm thức ăn”.

Hỏi: Chư Thiên ăn uống như thế nào?.

Đáp: Như kinh nói: “Chư Thiên ở Dục giới, tùy theo phẩm bậc sang hèn, có thức ăn tốt xấu không giống nhau. Kẻ phước dày, tùy theo ý nghĩ, đều được cung ứng đầy đủ, uống thì nước cam lồ đầy ly,

ăn thì trăm món cùng hiện đến. Kẻ phước mỏng, tuy có ăn uống nhưng thường không vừa ý lắm, vì không được no đủ, nên còn xuống các cõi dưới kiếm ăn”. Bởi thế, kinh có nói: “Thí dụ như chư Thiên cùng thức ăn đựng trong đồ quý giá, tùy theo phước đức, thức ăn có màu sắc khác nhau, bậc thượng phẩm thì thấy màu trắng, bậc trung phẩm thì thấy màu vàng, bậc hạ phẩm thì thấy màu đỏ. Chư Thiên ở Sắc giới lấy Thiên duyệt làm thức ăn. Nếu luận theo Tứ thực chỉ có lối Xúc thực”.

Thứ mười tám: PHẦN BỘC THỪA

Hỏi: “Chuyện tùy tùng xe ngựa của chư Thiên thì thế nào?”. Đáp rằng như kinh nói: “Sáu Trời Dục giới đều có tùy tùng xe ngựa. Bộc là tùy tùng, thừa là cưỡi đi. Vì sáu Trời Dục giới đều có phép tắc tôn ti, thượng hạ của vua tôi, thê thiếp, nên kẻ hèn mọn phải phục tùng bậc tôn nghiêm, kẻ phạm dưới phải phục tùng đáng bề trên. Cưỡi đi là vì sáu Trời Dục giới đều có nhiều loại súc vật. Chư Thiên muốn du hành, tùy ý cưỡi đi. Hoặc cưỡi voi ngựa, hoặc cưỡi khổng tước, hoặc cưỡi loài Rồng.

Nếu theo luận Bà-sa nói thì từ Trời Đao lợi trở xuống, có đủ các loài voi ngựa, le nhạn, uyên ương, khổng tước, rồng. Từ Trời Diệm ma trở lên, đều không còn các chúng sinh voi ngựa bốn chân, mà chỉ có loài chim Giáo phóng dật, Thật ngữ, Xích thủy trách mắng chư Thiên, dạy đừng phóng túng”. Hỏi: “Nếu không có loài chúng sinh voi ngựa bốn chân, chư Thiên ở đấy muốn đi đâu, thì cưỡi cái gì?”.

Đáp: “Theo như luận tự nói rồi tự giải thích, thì tuy không có voi ngựa, nhưng chư Thiên muốn đi đâu, nhờ vào phước lực, liền có voi ngựa, theo tâm hóa thành, tùy ý cỡi đi. Cưỡi xong liền hóa mất. Loài chim Giáo phóng dật này, khắp sáu Trời Dục giới đều có, thường làm thấy cho chư Thiên để trách mắng lỗi phóng túng, không riêng gì Trời Diệm ma trở lên mới có”.

Hỏi: “Chim này vốn là loài vật, tại sao lại có thể làm thầy cho Chư Thiên?”.

Đáp: Theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Khi chim này còn làm người, vốn là thầy dạy ở ba châu. Chư Thiên vốn là chúng sinh được giáo hóa. Do tín thọ giáo hóa, nên đã bố thí, giữ giới, nay được sinh lên Trời. Khi chim này còn làm thầy, vì danh lợi, đã phá giới, lòng lại không chân thật, nay được làm chim trên Trời, nhưng nhờ có chút thiện lực của giáo hóa nên nay được sinh lên Trời. Do gốc là thầy giáo hóa, nên được làm thầy cho chư Thiên. Nếu thấy chư Thiên phóng túng, lập

tức đến trách mắng. Chư Thiên nghe thấy xong đều sinh lòng hổ thẹn, bèn đổi thay, không phóng túng nữa”.

Thư mười chín: PHẦN QUYỂN THUỘC

Hỏi: “Quyển thuộc của chư Thiên nhiều ít thế nào?”.

Đáp: Theo luận nói: “Chư Thiên ở Sắc giới, không thể nói quyển thuộc, có số lượng rất đông đúc. Nghĩa là chư Thiên ở đây không phải nam, cũng chẳng phải nữ, không phối hợp với nhau. Sinh thì hóa sinh ra, tử lại hóa diệt mất đi. Nhờ hai loại y báo, chánh báo, cung điện tự nhiên hiện ra theo. Lấy Thiên định làm nguồn vui, nên không thể nói quyển thuộc của chư Thiên ở đây có số lượng nhiều ít như thế nào được.

Chư Thiên ở Dục giới có nam nữ cùng phối hợp với nhau, nên kinh Đại Cát Nghĩa Chú nói: “Bốn Thiên vương hộ thế thống lãnh bốn phương. Thiên vương Đề Đầu Lại Tra thống lãnh đám Cà nát bát. Thiên vương Tỳ Lưu Bác Xoa thống lãnh đám Cứu bàn trà. Thiên vương Tỳ Lưu Lạc Xoa thống lãnh loài Rồng. Thiên vương Tỳ-sa-môn thống lãnh đám Dạ-xoa. Bốn Thiên vương này, mỗi vị có chín mươi một người con trai, dung mạo đoan trang, có uy lực lớn, đều gọi là Đế. Bốn Thiên vương này gồm có ba trăm sáu mươi bốn người con trai, thường hộ vệ khắp cả mười phương. Có Thích-đề-hoàn Nhân thống lãnh tất cả thế giới bốn phương. Thiên vương Đại phạm thống lãnh trên cõi Trời”. Lại nữa, luận Trí Độ nói: “Tất cả sơn hà, thảo mộc, đất đai, thành quách, tất cả quỷ thần đều lệ thuộc vào sự thống lãnh của bốn Thiên vương. Thế nên, tất cả đều cùng nhau tháp tùng bốn Thiên vương mà đến. Trong đám quỷ thần này, có kẻ không có được quyển kinh Bát Nhã Ba la mật, nên kẻ ấy đi đến chỗ Bát nhã ba la mật, hành lễ, cúng dường, thì cũng được lợi ích”. Từ Trời Đạo lợi của Dục giới trở lên, quyển thuộc của chư Thiên trở thành đông đúc không thể xác định số lượng. Như Đế-thích có đủ chín mươi ức Na-do-tha Thiên nữ và có hàng ngàn người con cùng vô số quần thần họp thành quyển thuộc”.

Thế nên, kinh ấy có kệ rằng:

*“Đế-thích hiện khắp chư Thiên nữ,
Chín mươi hai ức Na-do-tha.
Thiên nữ người người đều tự bảo
Thiên vương chỉ cùng ta vui chơi!”*

Thư hai mươi: PHẦN QUÝ TIỆN

Hỏi: Sự sang hèn của chư Thiên thì thế nào?.

Đáp: Trước tiên, sáu Trời ở Dục giới có sự sang hèn khác nhau, vì có sự phân biệt giữa vua tôi, dân chúng và thê thiếp. Như trong Trời Đế-thích thì Đế-thích là vua, ba mươi hai Trời là quần thần. Các Thiên chúng còn lại là dân chúng. Phu nhân làm đẹp lòng trong hàng Thiên nữ là Thiên hậu. Các Thiên nữ còn lại là thứ thiếp. Năm Trời kia đều giống như thế. Trong Sắc giới, chỉ riêng ba cõi Sơ Thiên là có sang hèn, Đại phạm là vua, Phạm phụ là quần thần, Phạm chúng là dân chúng. Từ đây trở lên, chư Thiên hưởng phước báo như nhau, nên lại không còn phân biệt sang hèn nữa”.

Thứ hai mươi một: PHẦN BÀN PHÚ

Hỏi: Sự giàu nghèo của chư Thiên là thế nào?.

Đáp: Như kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Từ Trời Diêm ma trở lên cho đến hết tất cả chư Thiên ở sắc giới, sự giàu nghèo đều giống nhau. Từ Trời Đao lợi trở xuống, tùy theo phước báo dày mỏng mà có sự phân biệt giàu nghèo. Vị có phước dày, tất cả đều đầy đủ, hưởng thụ dư thừa. Vị có phước mỏng, tuy có y phục, cung điện làm bằng bảy loại bảo vật, nhưng ăn uống thường không no đủ”. Thế nên, kinh ấy có nói: “Đã từng có chư Thiên mỏng bề phước đức, vì bị nạn đói, phải hành hạ xuống cõi người Diêm-phù-đề, hái táo chua để ăn. Người ở đây thấy hình thù dị thường, sợ sệt xúm đến hỏi han. Vị ấy đáp rằng: “Ta thật không phải là người mà chính là Trời bạc phước. Tuy có cung điện, y phục tuyệt đẹp, nhưng ăn uống thường không no đủ, nên phải xuống đây hái táo để ăn. Các người chớ nên sợ sệt!”. Kinh điển hay phổ biến chuyện này”, (do kiếp trước tu hành giữ giới, nhẫn nhục, nhưng không làm bố thí).

Thứ hai mươi hai: PHẦN TỔNG CHUNG

Như từ Trời Tứ thiên vương đến Trời A-ca-ni-tra, nếu trong gia quyến có người chết thì không đưa tiền, không hỏa thiêu, không vứt thây, không chôn cất. Vừa khi thân quang vụt tắt thì sẽ không còn hình hài, vì được hóa sinh ra. Trời Tứ thiên vương hoặc tự mình sát sinh, hoặc khiến vị khác sát sinh. Sinh vật đã chết không ăn thịt. Chư Thiên Trời Đao lợi cũng như thế. Từ Trời Dạ ma trở lên Trời A-ca-ni-tra, đều không tự mình sát sinh, cũng không khiến người khác sát sinh. Sinh vật đã chết không ăn thịt. Vì do hóa sinh ra, nên khi chết đi, không còn thi hài.

Tụng rằng:

“Tam giới rối loạn,

*Lục đạo mênh mông. Đi về không dứt,
Chịu khổ vô cùng.
Quả báo siết chặt, Đau đớn giăng
hàng. Thật do nghiệp ác, Đành phải
nguy vong. Đâu hay chết đuối!
Nào biết bè sang! Chồng chất gánh
nặng, Chuta bay nhẹ nhàng.
Nguyện thoát cõi tục, Về nghỉ tịnh
bang.
Một niềm quy chánh, Vạn thọ vô
cương!”.*

